

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày 07/02/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa, thế chấp tài sản và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa, thế chấp tài sản và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST- KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2017/QĐST- KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST- KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường X, thành phố X, tỉnh G.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Đăng S, sinh năm 1983 - Chức vụ: Chuyên viên Pháp lý - Ngành T - Công ty CP T. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 26/UQ.TĐLT ngày 17/4/2017 của Tổng Giám đốc Công ty CP T).

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị P (Chủ Hộ kinh doanh Đinh Thị P), sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Doanh nghiệp tư nhân L; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A.

- Ông Trương Văn L, sinh năm 1953;

- Anh Trương Minh P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của DNTN L, ông Trương Văn L: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2017 và 12/7/2017).

- Bà Dương Thị K, sinh năm 1959;
- Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện H, tỉnh A.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Địa chỉ: Quốc lộ X, khu vực Q 1, phường K, quận N, thành phố T.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N: Ông Vũ Xuân L, sinh năm: 1981; Địa chỉ: đường L, phường Q, quận P, Thành phố M. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 161-UQ/PN ngày 18/8/2017 của Giám đốc Công ty TNHH N).

- Phòng công chứng số 3 tỉnh A.

Địa chỉ: đường K, phường 1, thị xã T, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của Phòng công chứng: Bà Bùi Thị Đ; Chức vụ: Trưởng Phòng công chứng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Địa chỉ: đường Đ, phường 1, quận V, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C: ông Lê Thanh H, sinh năm 1971; Địa chỉ: đường N 13, phường N, quận X2, thành phố M. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 01/TT-2017 ngày 30/10/2017 của Giám đốc Công ty TNHH C).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam.

Địa chỉ 1: đường K, phường N, Quận I, Thành phố M.

Địa chỉ 2: đường T, phường V1, Quận B, TP. M.

(Ông S, bà P, ông L có mặt;

Bà Đ, ông H vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt;
riêng anh P, ông N, bà K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2017, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn ông Huỳnh Đăng S trình bày:

Ngày 01/10/2012, Công ty CP T (tên cũ là: Công ty Cổ phần B G) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 003 với bà Đinh Thị P (Chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, bà Đinh Thị P đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo như thỏa thuận. Đến nay, bà Đinh Thị P (Chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P) còn nợ Công ty số tiền 9.318.581.625 đồng.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà P, các bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp với Công ty, cụ thể như sau:

- 01 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221, quyển số 01 (bên thế chấp ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P). Tài sản thế chấp dùng bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa số 003 ngày 01/10/2012 là 600.000.000 đồng, gồm: Ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI mang biển số C theo Giấy đăng ký xe ô tô số C do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 21/3/2011, Ô tô nhãn hiệu PORD mang biển số L theo Giấy đăng ký xe ô tô số L do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 19/6/2008.

- 01 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2222, quyển số 01 (bên thế chấp DNTN L). Tài sản thế chấp là Ô tô nhãn hiệu HYUNDAI mang biển số A theo Giấy đăng ký xe ô tô số A do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 11/3/2012, tài sản dùng bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa số 003 ngày 01/10/2012 là 500.000.000 đồng.

- 01 Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/12/2014 được công chứng ngày 05/12/2014, số công chứng: 3550, quyển số 02 (bên thế chấp bà Dương Thị K, ông Nguyễn Hoàng N). Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất theo 05 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 7, BE 8, BE 9, AG 7, X 8 do UBND huyện H cấp giấy chứng nhận cho bà Dương Thị K.

Toàn bộ tài sản thế chấp phía bị đơn đang quản lý, sử dụng. Nguyên đơn chỉ giữ giấy tờ xe.

Ngày 15/12/2016, bà Đinh Thị P, ông Trương Văn L, anh Trương Minh P đã ký bản “Cam kết trả nợ” với nội dung bà Đinh Thị P, ông Trương Văn L, anh Trương Minh P tự nguyện cam kết cùng liên đới trả số tiền nợ mua bán của bà Đinh Thị P với Công ty CP T là 9.318.581.625 đồng.

Nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Trương Minh P phải liên đới cùng với bà P và ông L trả nợ cho nguyên đơn. Đồng thời, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/12/2014 được công chứng ngày 05/12/2014, số công chứng 3550, quyển số 02 bên thế chấp là bà Dương Thị K, ông Nguyễn Hoàng N. Tòa án đã ra Quyết định Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Đăng S đại diện cho Công ty Cổ phần T yêu cầu bà Đinh Thị P (Chủ Hộ kinh doanh Đinh Thị P) và ông Trương Văn L phải liên đới trả cho Công ty Cổ phần T số tiền nợ mua bán hàng hóa là 9.318.581.625 đồng; Yêu cầu tiếp tục thực hiện 02 (hai) Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221 và 2222, quyển số 01 đã được ký kết giữa ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P, DNTN L với Công ty Cổ phần T để đảm bảo thi hành án.

Đối với yêu cầu của Công ty TNHH N, nguyên đơn không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn bà Đinh Thị P, đồng thời bà Đinh Thị P là người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L và DNTN L trình bày:

Bà P thừa nhận, vào khoảng thời gian từ năm 2005-2006 bà có giao dịch mua bán với Công ty Cổ phần T, việc mua bán được thực hiện theo chứng từ, hóa đơn.

Đến ngày 01/10/2012, bà P vẫn quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần T và đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 003 với Công ty. Để đảm bảo cho hợp đồng mua bán trên, bà P, ông L, DNTN L (do ông Trương Văn L là chủ doanh nghiệp) có ký kết với Công ty Cổ phần T 02 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014 tại Phòng công chứng số 3 tỉnh A, số công chứng 2221 và 2222, quyền số 01. Ông Nguyễn Hoàng N và bà Dương Thị K cũng có ký Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/12/2014 được công chứng ngày 05/12/2014, số công chứng 3550, quyền số 02 để đảm bảo cho nghĩa vụ của bà P như nguyên đơn trình bày nêu trên. Tính đến nay, bà P còn nợ Công ty số tiền 9.318.581.625 đồng.

Ngày 15/12/2016, bà với ông L, anh P (con trai của bà) có ký bản “Cam kết trả nợ” với nội dung thừa nhận số nợ mua bán là 9.318.581.625 đồng và thống nhất cùng liên đới trả số nợ này cho Công ty CP T. Nhưng từ đó đến nay bên bị đơn vẫn chưa trả cho Công ty số tiền nào, mặc dù Công ty đã nhiều lần đôn đốc trả nợ.

Đối với việc Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Trương Minh P phải liên đới với bà và ông L trả nợ cho Công ty; Nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp số 01/ ngày 05/12/2014 được công chứng ngày 05/12/2014, số công chứng 3550, quyền số 02, bên thế chấp bà Dương Thị K, ông Nguyễn Hoàng N thì bà P thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, bà Đinh Thị P đồng ý liên đới cùng với ông Trương Văn L trả cho Công ty Cổ phần T số tiền 9.318.581.625 đồng. Đồng thời, bà Đinh Thị P đồng ý liên đới với ông Trương Văn L, DNTN L tiếp tục thực hiện 02 (hai) Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014 tại Phòng công chứng số 3 tỉnh A, số công chứng 2221 và 2222, quyền số 01 đã được ký kết giữa ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P, DNTN L với Công ty Cổ phần T để đảm bảo thi hành án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N, bà P không đồng ý hủy 02 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221 và 2222, quyền số 01 đã được ký kết giữa ông L, bà P, DNTN L với Công ty Cổ phần T. Do việc thế chấp này được Phòng công chứng số 3 tỉnh A công chứng đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án công nhận 02 Hợp đồng thế chấp trên để đảm bảo N biết rõ việc bà có tài sản là xe ô tô (hiện đang thế chấp cho Công ty T) nhưng Công ty N vẫn không yêu cầu thi hành án.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Vũ Xuân L đại diện cho Công ty TNHH N trình bày:

Công ty TNHH N đã được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án tranh chấp với bà Đinh Thị P, ông Trương Văn L theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07 ngày 09/8/2013. Theo Quyết định thì ông L, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH N số tiền 7.440.281.000 đồng,

Công ty đã có đơn yêu cầu thi hành án nhưng đến nay ông L, bà P vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ với Công ty TNHH N.

Tuy nhiên, sau khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 09/8/2013, để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình bằng hình thức tẩu tán tài sản thì ngày 06/6/2014 ông L, bà P đã ký kết 02 Hợp đồng thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình cho Công ty CP T như nêu trên. Căn cứ Điều 124 Bộ luật dân sự, Công ty nhận thấy việc ký kết 02 Hợp đồng thế chấp giữa ông L, bà P với Công ty CP T vô hiệu do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH N.

Nay Công ty TNHH N yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu 02 Hợp đồng thế chấp tài sản - số công chứng 2221 và 2222, quyển số 01 do Phòng công chứng số 3 chứng thực ngày 06/6/2014 được ký kết giữa ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P, Doanh nghiệp tư nhân L với Công ty Cổ phần T.

4. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị D đại diện Phòng công chứng số 3 có văn bản trình bày:* hai Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2221 và 2222 được công chứng ngày 06/6/2014 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Phòng công chứng số 3 không đồng ý theo yêu cầu tuyên bố vô hiệu hai Hợp đồng thế chấp nêu trên.

5. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lê Thanh H đại diện cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C có văn bản trình bày:* Bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH C số tiền 16.209.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01 ngày 05/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện H. Công ty đã có đơn yêu cầu thi hành án và ngày 09/5/2014 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H cũng đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 311/QĐ-CCTHA cho thi hành án đối với bà P, ông L để thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty.

Các tài sản thế chấp đang tranh chấp được công chứng sau khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của ông L, bà P và Công ty TNHH C là không có căn cứ pháp luật. Công ty đề nghị không công nhận việc thế chấp giữa Công ty Cổ phần T với bà P, ông L, DNTN L; không có ý kiến đối với số nợ giữa các bên; yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật và xin được giải quyết vắng mặt.

6. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam:* đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không cử người tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

7. *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện tương đối đúng trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Viện Kiểm sát có kiến nghị, Tòa án đã khắc phục; Về người tham gia tố tụng, Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần T: xét thấy Công ty Cổ phần T đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bên bán theo đúng thỏa thuận của trong hợp đồng đã ký. Do phía bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận hiện còn nợ số tiền 9.318.581.625 đồng. Nay bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L cũng thừa nhận hiện còn nợ Công ty số tiền 9.318.581.625 đồng và đồng ý trả nợ và tiếp tục thực hiện hai Hợp đồng thế chấp tài sản theo yêu cầu của Công ty Cổ phần T là sự tự nguyện phù hợp theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu của Công ty TNHH N và Công ty C không đồng ý và yêu cầu hủy 02 hợp đồng thế chấp trên và tuyên hai văn bản công chứng vô hiệu là không có căn cứ. Vì tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản thì các tài sản thế chấp đang thuộc quyền sở hữu của ông L, bà P, phía Công ty N và C không có tài liệu chứng cứ, căn cứ chứng minh là các tài sản này đang bị cưỡng chế, kê biên hoặc bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác để đảm bảo thi hành án cho phía công ty N và C nên công ty T nhận thế chấp các tài sản của bà P và ông L là có căn cứ theo quy định tại điều 317 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của Công ty TNHH N và Công ty C là không có cơ sở xem xét theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Văn Phòng công chứng số 3 không đồng ý theo yêu cầu của Công ty TNHH N và Công ty C là có căn cứ, vì hai văn bản công chứng số 2221, và 2222 của Văn Phòng công chứng số 3 đã thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật nên công nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị P (chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P) và ông Trương Văn L phải liên đới trả cho Công ty Cổ phần T số tiền nợ mua bán là 9.318.581.625 đồng. Để đảm bảo cho việc mua bán, bà Đinh Thị P (chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P) và ông Trương Văn L đã ký kết 02 (hai) Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221 và số công chứng 2222, quyển số 01 với Công ty Cổ phần T. Cho nên, Công ty T, yêu cầu tiếp tục duy trì 02 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221 và 2222, quyển số 01 đã được ký kết giữa ông L, bà P, DNTN L với Công ty T để đảm bảo thi hành án. Tòa án căn cứ vào điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu tuyên vô hiệu 02 Hợp đồng thế chấp tài sản - số công chứng 2221 và 2222, quyển số 01 do Phòng công chứng số 3 chứng thực ngày 06/6/2014 được ký kết giữa ông L, bà P, Doanh nghiệp tư nhân L với Công ty Cổ phần T, đây là tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu nhưng do liên quan đến Kinh doanh thương mại nên Tòa

án căn cứ vào khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý chung và áp dụng Bộ luật dân sự, Luật Công chứng và Luật Thương mại để giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C và bà Bùi Thị Đ đại diện Phòng công chứng số 3, anh P, ông N, bà K vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không cử người tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn C và Phòng công chứng số 3 có đơn xin được giải quyết vắng mặt; Anh P, ông N, bà K vắng mặt nhiều lần, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Hợp đồng mua bán hàng hóa số 003 ngày 01/10/2012 giữa Công ty CP T (tên cũ là: Công ty Cổ phần B G) với bà Đinh Thị P (Chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P) hai bên thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp và có căn cứ pháp lý để thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, bà P đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo như thỏa thuận và có ký bản “Cam kết trả nợ” cho đến nay bà P còn nợ Công ty số tiền 9.318.581.625 đồng. Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu bà P và ông L phải liên đới trả cho Công ty Cổ phần T số tiền nợ mua bán 9.318.581.625 đồng có căn cứ chấp nhận là phù hợp với điều 24, 50, 55 Luật Thương mại. Bà P và ông L đã thừa nhận hiện còn nợ Công ty số tiền 9.318.581.625 đồng và đồng ý trả nợ là sự tự nguyện phù hợp theo quy định pháp luật. Do đó, bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty CP T số tiền 9.318.581.625 đồng (Chín tỷ, ba trăm mười tám triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

[2] Đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hai Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty Cổ phần T.

Hai hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba giữa bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L đã ký kết với Công ty Cổ phần T gồm 01 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221, quyền số 01 (bên thế chấp ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P); Tài sản thế chấp gồm: Ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI mang biển số C theo Giấy đăng ký xe ô tô số C do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 21/3/2011, Ô tô nhãn hiệu FORD mang biển số L theo Giấy đăng ký xe ô tô số L do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 19/6/2008 và 01 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2222, quyền số 01 (bên thế chấp DNTN L). Tài sản thế chấp là Ô tô nhãn hiệu HYUNDAI mang biển số A theo Giấy đăng ký xe ô tô số A do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 11/3/2012. Hai hợp đồng này đã được thỏa thuận ký kết bởi

sự tự nguyện của hai bên và những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội được công chứng đúng theo trình tự, thủ tục bởi Cơ quan công chứng và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật là hợp pháp theo quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự; các Điều 40, 41 và 46 Luật Công chứng; các Điều 2 và 3 Thông tư số: 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về giao dịch bảo đảm. Hơn nữa, tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp thì tài sản chưa kê biên thi hành án. Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba hợp pháp, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Công ty CP T yêu cầu được tiếp tục thực hiện hai Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty. Bà P và ông L cũng đồng ý tiếp tục thực hiện hai Hợp đồng thế chấp tài sản trên theo yêu cầu của Công ty, đây là sự tự nguyện phù hợp theo quy định pháp luật.

Tài sản thế chấp sẽ được đảm bảo để thi hành án theo qui định của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Đối với việc Công ty trách nhiệm hữu hạn N yêu cầu tuyên vô hiệu 01 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221, quyền số 01 (bên thế chấp ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P) và 01 Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2222, quyền số 01 (bên thế chấp DNTN L) là không có căn cứ. Bởi vì, tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp các tài sản thế chấp đang thuộc quyền sở hữu của ông L, bà P, phía Công ty TNHH N không có tài liệu chứng cứ, chứng minh là các tài sản này đang bị cưỡng chế, kê biên hoặc bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác để đảm bảo thi hành án cho phía Công ty TNHH N. Hơn nữa, Công ty TNHH N không chứng minh bà P tẩu tán tài sản để nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, tại phiên tòa ông Vũ Xuân L đại diện Công ty TNHH N thừa nhận có biết được bà P có tài sản là xe ô tô nhưng Công ty TNHH N không yêu cầu kê biên tài sản để thi hành án. Công ty T nhận thế chấp các tài sản của bà P và ông L là có căn cứ theo quy định pháp luật. Cho nên, yêu cầu của Công ty TNHH N không có cơ sở chấp nhận.

[4] Phòng Công chứng số 3 không đồng ý theo yêu cầu của Công ty TNHH N yêu cầu tuyên vô hiệu hai văn bản công chứng số 2221, và 2222 là có căn cứ. Bởi vì, hai văn bản công chứng số 2221 và 2222 được công chứng ngày 06/6/2014 quyền số 01 của Phòng công chứng số 3 đã thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật nên công nhận.

[5] Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 05/12/2014 được công chứng ngày 05/12/2014, số công chứng 3550, quyền số 02 mà bên thế chấp là bà Dương Thị K, ông Nguyễn Hoàng N. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn nên không đề cập đến.

[6] Nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh Trương Minh P phải liên đới cùng với bà P và ông L trả nợ cho nguyên đơn là sự tự nguyện của bên nguyên đơn nên không đề cập đến.

[7] Công ty TNHH C chỉ có văn bản trình bày ý kiến đề nghị không công nhận hai Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty Cổ phần T với ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P nêu trên nhưng không khởi kiện nên không đề cập đến.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam không cử người tham gia tố tụng nên không đề cập đến.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải liên đới chịu số tiền 117.318.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty CP T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty CP T 58.660.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003812 ngày 08/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Công ty TNHH N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003908 ngày 05/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Công ty TNHH N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;
Căn cứ Điều 40, 41, 46, 52 của Luật Công chứng;
Căn cứ Điều 288, 317, 319, 324, khoản 2 điều 357, điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo yêu cầu của Công ty Cổ phần T yêu cầu bà Đinh Thị P (chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P) và ông Trương Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 9.318.581.625 đồng.

Buộc bà Đinh Thị P (chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P) và ông Trương Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần T số tiền 9.318.581.625 đồng (Chín tỷ, ba trăm mười tám triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Công nhận Hai hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba giữa bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L, DNTN L đã ký kết với Công ty Cổ phần T gồm: 01 Hợp

đồng thể chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221, quyền số 01 (bên thể chấp ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P) và 01 Hợp đồng thể chấp tài sản được công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2222, quyền số 01 (bên thể chấp DNTN L)

3. Tài sản thể chấp được đảm bảo để thi hành án theo qui định của Luật Thi hành án dân sự.

(Tài sản thể chấp gồm: Ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI mang biển số C theo Giấy đăng ký xe ô tô số C do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 21/3/2011; Ô tô nhãn hiệu FORD mang biển số L theo Giấy đăng ký xe ô tô số L do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 19/6/2008 và Ô tô nhãn hiệu HYUNDAI mang biển số A theo Giấy đăng ký xe ô tô số A do phòng CSGT-TT Công an A cấp ngày 11/3/2012).

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH N về yêu cầu tuyên vô hiệu hai Văn bản công chứng ngày 06/6/2014, số công chứng 2221, 2222. quyền số 01 tại Phòng công chứng số 3 (bên thể chấp ông Trương Văn L, bà Đinh Thị P, DNTN L).

5. Về án phí:

Bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải liên đới chịu số tiền 117.318.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty CP T 58.660.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003812 ngày 08/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Công ty TNHH N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003908 ngày 05/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Công ty TNHH N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh/H;
- CQ THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ; - Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung